

Tiếp theo phần 2_1:

– Khốc, Hư Đắc địa là người có chí lớn, có văn tài lỗi lạc, nói năng danh thép, hùng hồn, thích hoạt động chính trị.

– Khốc, Hư Đắc địa Tý, Ngọ, lúc thiếu thời nghèo túng, nhưng từ ngoài ba mươi tuổi trở đi rất khá giả. Đây, nếu Khốc, Hư gặp Sát hay Phá đồng cung, tất có quyền cao chức trọng, có uy danh lừng lẫy, nói một lời, ai cũng mạng khiếp phục.

– Khốc, Hư Hâm địa thật là suốt đời khốn khổ, khóc nhiều hơn cười.

– Khốc, Hư Hâm địa, Thìn Tuất, lại hay mắc tai nạn, tuổi thọ cũng bị chiết giảm.

– Khốc, Hư gặp Cơ, hoặc đồng cung, hoặc xung chiếu, nên tim phổi không lành mạnh, thường mắc bệnh ho khó chữa.

– Khốc, Hư Hâm địa Dần Thân, gặp Đà đồng cung, là người có tài kiếm văn võ.

– Khốc, Hư gặp Hình, Mã hội hợp, tất hiển đạt về võ nghiệp.

– Cung Mệnh có Hư tọa thủ nên răng xấu, hay đau.

– Hư Đắc địa gặp Lộc đồng cung hay xung chiếu, là người đa tài, có danh tiếng lừng lẫy.

– Hư Hâm địa là người bất chính, hay ăn nói sai ngoa.

PHỤ GIẢI**1 – Nam nhân Tang, Hổ, hữu tài uyên bác**

Đàn ông mà cung Mệnh có Tang, Hổ Đắc địa tọa thủ, tất có tài thao lược, học rộng, biết nhiều.

2 – Nữ Mệnh Hổ Riêu, đa sự quả ưu

Đàn bà mà cung Mệnh có Hổ, Riêu tọa thủ đồng cung, nên hôn phối thường bị trắc trở, và suốt đời ưu phiền, sầu khổ vì chồng con.

3 – Hao ngộ Tham Lang, tàng thâm tình ư tính đế

Cung Mệnh có Hao tọa thủ, gặp Tham hoặc đồng cung, hoặc xung chiếu, là người hiếu sắc thâm dật, nhưng rất kín đáo, đây ví như chôn giấu thâm tình ở đáy giếng.

4 – Song, Hao Mão Dậu, chúng thủy triêu Đông, tối hiểm Hóa Lộc, ái ngộ Cự, Cơ.

Cung Mệnh an tại Mão, Dậu, có Hao tọa thủ rất rực rỡ tốt đẹp. Hao ở đây ví như những giòng nước chảy về phương Đông. Trong trường hợp này, Hao rất kỵ gặp Lộc và rất cần gặp Cự, Cơ. Như vậy, nếu cung Mệnh an tại Mão Dậu, có Hao, Cự, Cơ tọa thủ đồng cung, chắc chắn là được hưởng phú quý đến tận tận, phúc thọ song toàn.

5 – Khốc, Hư, Tý, Ngọ, tiền bản hậu phú

Cung Mệnh an tại Tý Ngọ có Khốc, Hư tọa thủ đồng cung, nên lúc thiếu thời nghèo túng : từ ngoài ba mươi tuổi trở đi mới khá giả, về già mới thật giàu có.

6 – Khốc, Khách, Kiếp, Phù mạc ngộ Cự, Dương, chung thân đa lệ

Cung Mệnh có Khốc tọa thủ, gặp Khách, Kiếp, Phù hội hợp, lại gặp thêm Cự, Nhật, thật là suốt đời phải than khóc, tiếc thương, mất lúc nào cũng dầm lệ.

7 – Hư, Kinh, Tuế, Khách gia lâm, mãn thế đa phùng tang sự

Cung Mệnh có Hư tọa thủ, gặp Kinh, Tuế, Khách hội hợp, tất có tang tóc liên miên, từ lúc lọt lòng mẹ cho đến khi mãn chiều xế bóng.

PHỤ MẪU

Xem cung Phụ Mẫu để biết rõ sự thọ yếu, giàu nghèo hay sang hèn của cha mẹ và cũng để biết sự hòa hợp hay xung khắc giữa cha mẹ và con.

Muốn luận đoán cung Phụ Mẫu thật cẩn thận, người nghiên cứu Đẩu Số phải kết hợp nhận định ảnh hưởng của Nhật, Nguyệt tại các vị trí trên bản đồ 12 cung với nhận định ảnh hưởng các sao tọa thủ tại cung Phụ Mẫu.

A – Ảnh hưởng của Nhật, Nguyệt tại các vị trí trên bản đồ 12 cung

Trước hết phải nhận định ảnh hưởng của Nhật, Nguyệt tại các vị trí trên bản đồ 12 cung để luận đoán xem cha mất trước mẹ, hay mẹ mất trước cha.

Nhật là biểu tượng của cha, Nguyệt là biểu tượng của mẹ.

Có những trường hợp sau đây cần phải phân định :

1 – Nhật tọa thủ tại Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ.**Nguyệt tọa thủ tại Thân, Dậu, Tuất, Hợi, Tý.**

Trong trường hợp này, sao nào không gặp Tuần hay Triệt án ngữ, được coi là sáng sủa. Trái lại, sao nào gặp Tuần hay Triệt án ngữ, bị coi là mờ ám.

a – Nhật sáng sữa – Nguyệt mờ ám : mẹ mất trước cha.

b – Nhật mờ ám – Nguyệt sáng sữa : cha mất trước mẹ.

c – Nhật, Nguyệt cùng sáng sữa

– *Sinh ban ngày*: cha mất trước mẹ.

– *Sinh ban đêm*: mẹ mất trước cha.

d – Nhật – Nguyệt cùng mờ ám :

– *Sinh ban ngày*: cha mất trước mẹ.

– *Sinh ban đêm*: mẹ mất trước cha.

2 – Nhật tọa thủ tại Thân, Dậu, Tuất, Hợi, Tý

Nguyệt tọa thủ tại Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ.

Trong trường hợp này, sao nào gặp Tuần hay Triệt án ngữ, được coi là sáng sữa. Trái lại, sao nào không gặp Tuần hay Triệt án ngữ, bị coi là mờ ám.

Coi nhận định từ 1-a đến 1-d ở trên.

3 – Nhật, Nguyệt tọa thủ đồng cung tại Sửu, Mùi

a – Không gặp Tuần hay Triệt án ngữ :

– *Sinh ban ngày*: mẹ mất trước cha.

– *Sinh ban đêm*: cha mất trước mẹ.

b – Gặp Tuần hay Triệt án ngữ :

– *Sinh ban ngày*: cha mất trước mẹ.

– *Sinh ban đêm*: mẹ mất trước cha.

B – Ảnh hưởng của những sao tọa thủ tại cung Phụ Mẫu :

1 – TỬ VI

a – Đơn thủ tại Ngọ : cha mẹ quý hiển, giàu có và sống lâu.

b – Đơn thủ tại Tý : cha mẹ khá giả.

c – Phủ đồng cung : cha mẹ giàu sang. Con được thừa hưởng của cha mẹ để lại rất nhiều.

d – Tướng đồng cung : cha mẹ vinh hiển. Gia đình yên vui, phúc lộc dồi dào.

đ – Sát đồng cung : cha mẹ phú quý, nhưng bất hòa. Con không hợp với tính cha mẹ. Gia đình ly tán.

e – Phá đồng cung : trong nhà hay có sự bất hòa : cha mẹ khá giả. Nhưng sớm khất một trong hai thân, hay phải xa cách từ lúc thiếu thời.

g – Tham đồng cung : cha mẹ bình thường. Nếu làm con nuôi họ khác. Nếu không, tất sớm xa cách một trong hai thân.

2 – LIÊM TRINH

a – Đơn thủ tại Dần, Thân : cha mẹ nghèo, nhưng có đức. Sớm xa cách hai thân. Có làm con nuôi khác họ mới tránh được mọi hình khắc.

b – Phủ đồng cung : hai thân giàu có, nhưng bất hòa. Con không hợp tính cha mẹ.

c – Tướng đồng cung : cha mẹ hay gặp tai nạn bất kỳ và rất vất vả. Con không thể chung sống được với cha mẹ. Nên làm con nuôi họ khác.

d – Sát đồng cung : sớm khắc một trong hai thân. Nếu không, cha mẹ và con cũng không thể sống được với nhau. Trong nhà thường có sự bất hòa. cha mẹ hay mắc tai họa rất đáng lo ngại.

e – Tham đồng cung : cha mẹ khốn cùng hay mắc tai ương và xa cách nhau. Sớm lìa bỏ hai thân.

3 – THIÊN ĐỒNG

a – Đơn thủ tại Mão : cha mẹ khá giả. Lợi ích cho mẹ nhiều hơn cho cha.

b – Đơn thủ tại Dậu : cha mẹ bình thường. Sức khỏe của mẹ suy kém.

c – Đơn thủ tại Tỵ, Hợi : hai thân cách xa cách nhau. Con thường phải xa cha mẹ, nhưng gia đình sung túc.

d – Đơn thủ tại Thìn, Tuất : Trong nhà hay có sự bất hòa. Hai thân xa cách nhau. Con và cha mẹ không thể chung sống lâu dài với nhau được. Nên làm con nuôi họ khác.

đ – Lương đồng cung : cha mẹ khá giả và sống lâu.

e – Ấm đồng cung tại Tý : cha mẹ vinh hiển và nhiều của cải.

g – Ấm đồng cung tại Ngọ : Trong nhà hay có sự bất hòa. Sớm xa cách một trong hai thân.

h – Cự đồng cung : sớm xa cách hai thân. Trong nhà thiếu hòa khí. Có đi xa hay làm con nuôi họ khác mới tránh được mọi sự hình khắc. Nhưng dù sao chẳng nữa, ít nhất là phải sớm lìa bỏ một trong hai thân.

4 – VŨ – KHÚC

Bất cứ tại vị trí nào cũng sớm khắc một trong hai thân.

a – Đơn thủ tại Thìn, Tuất : cha mẹ giàu có, khá giả.

b – Phủ đồng cung : cha mẹ giàu có và vinh hiển.

c – Tướng đồng cung : cha mẹ có uy quyền và nhiều của cải.

d – Tham đồng cung : cha mẹ giàu, nhưng con không hợp tính cha mẹ. Trong nhà thiếu hòa khí.

đ – Phá đồng cung : hai thân bất hòa. Cha mẹ và con không hợp tính nhau. Gia đình thường ly tán. Nên làm con nuôi họ khác.

e – Sát đồng cung : hai bản khổ, hay mắc tai ương. Nếu không, tất phải mang bệnh tật, hay đau yếu. Nên sớm xa cách hai thân. Nên làm con nuôi họ khác, để tránh mọi hình khắc.

5 – THÁI – DƯƠNG

a – Tọa thủ tại Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ : hai thân giàu có, quý hiển và sống lâu. lợi ích cho cha nhiều hơn cho mẹ.

b – Tọa thủ tại Thân, Dậu, Tuất, Hợi, Tý : hai thân vất vả. Sớm khắc một trong hai thân. Nên làm con nuôi họ khác.

c – Nguyệt đồng cung tại Sửu, Mùi : hai thân bất hòa. Tuy cha mẹ khá giả, nhưng con không thể ở gần được.

6 – THIÊN – CÔ

a – Đơn thủ tại Tỵ, Ngọ, Mùi : cha mẹ khá giả.

b – Đơn thủ tại Hợi, Tý, Sửu : cha mẹ bình thường. cha mẹ và con không hợp tính nhau. Nên làm con nuôi họ khác. Nếu không, rất khó tránh được mọi hình khắc.

c – Âm đồng cung tại Thân : hai thân khá giả.

d – Âm đồng cung tại Dần : hai thân giàu có, nhưng sớm xa cách một trong hai thân. Không lợi ích cho mẹ.

đ – Lương đồng cung : cha mẹ giàu sang và sống lâu.

e – Cự đồng cung : sớm khắc một trong hai thân. Nếu phải xa cách hai thân. Trong nhà thiếu hòa khí.

7 – THIÊN PHÚ

Bất cứ tại vị trí nào, cha mẹ cũng có của.

a – Đơn thủ tại Tỵ, Hợi : cha mẹ khá giả, có danh chức.

b – Đơn thủ tại Sửu, Mùi, Mão, Dậu : hai thân phú quý song toàn, nhưng sớm xa cách một trong hai thân.

c – Coi Tử Vi của – Liêm Trình – Vũ Khúc b.

8 – THÁI – ÂM

a – Đơn thủ tại Dậu, Tuất, Hợi : hai thân giàu sang. Lợi ích cho mẹ nhiều hơn là cho cha.

b – Đơn thủ tại Mão, Thìn, Tỵ : hai thân vất vả. Sớm khắc một trong hai thân. Nên làm con nuôi họ khác.

c – Nguyệt đồng cung tại Sửu, Mùi : nhận định theo Thái Dương C.

d – Coi Thiên Đồng e-g – Thiên Cơ c-d.

9 – THAM – LANG

Bất cứ tại vị trí nào cũng sớm khắc một trong hai thân. Nếu không, cũng phải xa cách hai thân.

a – Đơn thủ tại Thìn, Tuất : cha mẹ giàu có, nhưng con không được thừa hưởng. Trong nhà thiếu hòa khí.

b – Đơn thủ tại Dần, Thân : hai thân túng thiếu, bất hòa, hay xa cách nhau. cha mẹ không hợp tính con.

c – Đơn thủ tại Tý, Ngọ : cha mẹ bình thường. Trong nhà thiếu hòa khí. Nên làm con nuôi họ khác.

d – Coi Tử Vi g – Liêm Trình của – Vũ Khúc được.

10 – CỰ – MÔN

Bất cứ tại vị trí nào, cha mẹ cũng bất hòa. Trong nhà có sự tranh chấp.

a – Đơn thủ tại Hợi, Tý, Ngọ : cha mẹ giàu sang, nhưng không hợp tính với con.

b – Đơn thủ tại Tỵ : hai thân thường xa cách nhau. Nếu không, cũng sớm khắc một trong hai thân.

c – Đơn thủ tại Thìn, Tuất : cha mẹ bỏ nhau, hay một còn một mất từ lúc con còn ít tuổi.

d – Nhật đồng cung tại Dần : nhận định theo Thái Dương.

đ – Nhật đồng cung tại Thân : nhận định theo Thái Dương b.

e – Coi Thiên đồng h – Thiên Cơ e.

11 – THIÊN TƯỚNG

Bất cứ tại vị trí nào, cha mẹ cũng sống lâu.

a – Đơn thủ tại Ty, Hợi, Sửu, Mùi : hai thân khá giả nhưng hay bất hòa.

b – Đơn thủ tại Mão, Dậu : hai thân bình thường. Nên làm con nuôi họ khác để tránh mọi hình khắc.

c – Coi Tử Vi d – Liêm Trinh c – Vũ khúc c.

12 – THIÊN LƯƠNG

a – Đơn thủ tại Ty, Ngọ : cha mẹ nhân đức, giàu sang và sống lâu.

b – Đơn thủ tại Sửu, Mùi : hai thân bình thường. Trong nhà thiếu hòa khí.

c – Đơn thủ tại Ty, Hợi : hai thân bất hòa, hay xa cách nhau. Sớm lìa bỏ một trong hai thân. Nếu không, cha mẹ và con cũng không thể sống chung với nhau lâu dài được.

d – Nhật đồng cung tại Mão : coi Thái Dương a.

đ – Nhật đồng cung tại Dậu : coi Thái Dương b.

e – Coi Thiên Đồng c – Thiên Cơ b.

13 – THẤT SÁT

Bất cứ tại vị trí nào, cha mẹ cũng bất hòa. Nếu không, cha mẹ và con cũng không hợp tính nhau.

a – Đơn thủ tại Dần, Thân : cha mẹ quý hiển và sống lâu.

b – Đơn thủ tại Ty, Ngọ : cha mẹ khá giả, nhưng sớm xa cách một trong hai thân.

c – Đơn thủ tại Thìn, Tuất : cha mẹ túng thiếu, vất vả, thường mang cố tật, hay mắc ác bệnh. Nếu không, tất mắc nhiều tai họa. Sớm khắc một trong hai thân. Cha mẹ và con cũng không thể sống chung với nhau lâu dài được. Nên làm con nuôi họ khác.

d – Coi Tử Vi d – Liêm Trinh d – Vũ khúc c.

14 – PHÁ – QUÂN

Bất cứ tại vị trí nào, cũng sớm khắc một trong hai thân. Nếu không, hai thân cũng phải xa cách nhau. Trong nhà thiếu hòa khí.

a – Đơn thủ tại Tý, Ngọ : cha mẹ khá giả.

b – Đơn thủ tại Dần, Thân : cha mẹ bất hòa. Nên ở xa cha mẹ hay làm con nuôi họ khác.

c – Đơn thủ tại Thìn, Tuất : cha mẹ vất vả, không hợp tính với con. Sớm xa cách một trong hai thân.

d – Côi Tử Vi e – Liêm Trinh d – Vũ khúc d.

15 – KINH DƯƠNG – ĐÀ LA

Bất cứ tại vị trí nào, cha mẹ và con cũng không hợp tính nhau.

a – Liêm đồng cung : hai thân hay mắc nạn, nhất là kiện cáo tù tội và thường phải xa cách nhau. Gia đình túng thiếu.

b – Sát đồng cung : Sớm xa cách hai thân. cha mẹ khó tránh được hình thương họa hại.

c – Tham đồng cung : cha hay mẹ là người hoang đàng chơi bời. Sớm xa cách một trong hai thân.

16 – HỎA TINH – LINH TINH

Bất cứ tại vị trí nào, với cũng giảm thọ. Trong nhà thiếu hòa khí.

a – Tham đồng cung : cha mẹ quý hiển và giàu sang.

b – Phá đồng cung : Sớm khắc hai thân. Nếu không, cũng phải sớm xa cách, di cư ngụ ở nơi đất khách quê người. cha mẹ thường mắc tai nạn bất kỳ, rất đáng lo ngại.

17 – ĐỊA KHÔNG – ĐỊA KIẾP

Bất cứ tại vị trí nào, hai thân cũng vất vả. Nếu không cũng bất hòa. cha mẹ và con không hợp tính nhau.

18 – VĂN XƯƠNG – VĂN KHÚC

Hai thân có danh chức.

19 – THIÊN KHÔI – THIÊN VIỆT

Cha thường là con trưởng. Nếu không, cũng đoạt trưởng có danh chức.

20 – TẢ PHỤ – HỮU BẬT

Hai thân khá giả, nâng đỡ con trong nhiều công việc. Trong nhà có hòa khí. Nếu Tả, Hữu lại gặp nhiều Sát tinh xâm phạm, cha mẹ thật khó tránh được những sự chẳng lành, hoặc là hình khắc chia ly, hoặc là tai ương họa hại.

21 – LỘC TỒN

Hai thân có của, nhưng con phá tán mất khá nhiều. Cha mẹ và con không hợp tính nhau. Nên ở xa cha mẹ.

22 – HÓA LỘC

Hai thân có của.

23 – HÓA – QUYỀN

Hai thân có quyền thế.

24 – HÓA – KHOA

Hai thân thông minh, nhân hậu, có danh chức.

25 – HÓA – KỶ

Hai thân bất hòa. Nếu không, cha mẹ và con cũng không hợp tính nhau.

a – Nhật, Nguyệt đồng cung tại Sửu, Mùi : cha mẹ giàu sang.

b – Xương, Khúc đồng cung : cha mẹ giảm thọ.

26 – THIÊN – MÃ

Hai thân có danh giá, nhưng thường hay xa cách nhau.

a – Lộc : cha mẹ rất khá giả. Nhưng con nên ở xa cha mẹ.

b – Đà : Hai thân bất hòa, thường hay xung đột. Cha mẹ và con không hợp tính nhau. Nên ở xa cha mẹ. Nếu Mã, Đà lại gặp thêm nhiều Sát tinh xâm phạm, chắc chắn là cha mẹ bỏ nhau. Nếu không, cũng một còn một mất, từ lúc con còn ít tuổi. Ngoài ra, cha mẹ thường mắc phải những tai nạn rất đáng lo ngại.

27 – THÁI TUẾ

Trong nhà thiếu hòa khí, hay có sự tranh chấp. Cha mẹ và con không hợp tính nhau. Nếu Tuế lại gặp thêm nhiều Sát tinh nhất là Đà, Kỵ xâm phạm, tất cha mẹ phải xa cách nhau. Gia đình ly tán. Ngoài ra, cha mẹ thường hay mắc tai họa, đáng lo ngại nhất là mắc kiện cáo.

28 – CÔ THẦN – QUẢ TÚ

Hai thân không hợp tính nhau. Cha mẹ và con không thể ở gần nhau lâu được. Nếu Cô, Quả lại gặp nhiều Sát tinh xâm phạm, tất sớm khắc một trong hai thân. Nên làm con nuôi họ khác.

29 – ĐÀO HOA – HỒNG LOAN

Cha hay mẹ thường là người tài hoa, phóng đảng. Nếu Đào, Hoa lại gặp Vượng, Thái đồng cung, tất cha có vợ lẽ, ngoại tình, hay mẹ là người bất chính.

30 – TUẦN, TRIỆT ÁN NGŨ

Dù cung Phụ Mẫu tốt hay xấu, cũng sớm khắc một trong hai thân. Nếu không, tất phải sớm xa cách hai thân, hay làm con nuôi họ khác.

Phải nhận định nghịch đảo ảnh hưởng của những sao tọa thủ : tốt hóa xấu, xấu thành tốt, để luận đoán sự giàu nghèo, sang hèn của cha mẹ.

31 – VÔ CHÍNH DIỆU

Gọi Chính diệu xung chiếu như Chính diệu tọa thủ.

VII – PHÚC – ĐỨC

Xem cung Phúc Đức để biết rõ sự thọ yếu, cùng là sự thịnh suy, tụ tán của họ hàng. Ngoài ra, còn được biết rõ về âm phần mà mình chịu ảnh hưởng.

cung Phúc Đức chi phối tất cả 11 cung số. Vậy cho nên luận đoán cung Phúc Đức phải rất cẩn thận.

Có hai phần :

a – Nhận định ảnh hưởng các sao tọa thủ tại cung Phúc Đức để luận đoán phúc trạch, thọ yếu và họ hàng.

b – Nhận định ảnh hưởng các sao tọa thủ tại cung Phúc Đức để luận đoán âm phần.

A – NHẬN ĐỊNH ẢNH HƯỞNG CÁC SAO TỌA THỦ TẠI CUNG PHÚC ĐỨC ĐỂ LUẬN ĐOÁN PHÚC – TRẠCH THỌ – YẾU VÀ HỌ – HÀNG

1 – TỬ – VI

a – **Đơn thủ tại Ngọ** : hưởng phúc lâu dài. Tránh được nhiều tai họa. Trong họ có nhiều người quý hiển.

b – **Đơn thủ tại Tý** : Suốt đời hay gặp những sự may mắn. Trong họ tuy hiếm người, nhưng cũng khá giả.

c – **Phủ đồng cung – Tướng đồng cung** : suốt đời được xúng ý toại lòng, sống lâu và hưởng phúc. Họ hàng nhiều người giàu sang.

d – **Sát đồng cung** : phải ly tổ, bốn ba mới được hưởng phúc sống lâu. Trong họ có nhiều người giàu sang, hiển đạt về võ nghiệp, nhưng ở xa quê hương.

đ – **Phá đồng cung** : Lao tâm khổ tứ, chẳng được yên thân. Phải lìa bỏ quê hương mới khá giả và sống lâu. Họ hàng ly tán.

e – **Tham đồng cung** : suốt đời chẳng được xúng ý toại lòng, giảm thọ vì bạc phúc. Họ hàng ly tán, người nào khá giả lại chết sớm.

2 – LIÊM – TRINH

a – Đơn thủ tại Dần, Thân : được hưởng phúc. Trong họ ít của, hiếm người.

b – Phủ đồng cung : suốt đời sung sướng, phúc thọ song toàn. Trong họ có nhiều người giàu sang.

c – Tướng đồng cung : được hưởng phúc. Họ hàng khá giả, nhưng hiếm người.

d – Phá đồng cung : vất vả lao khổ, phải xa quê hương mới sống lâu. Họ hàng ly tán.

đ – Tham đồng cung : giảm thọ, khó tránh được tai ương, họa hại. Trong họ có nhiều người bản hàn, hay mắc tù tội, thường phải bạt quán xiêu cư.

e – Sát đồng cung : giảm thọ, hay gặp nguy hiểm, phải xa quê hương mới mong được an toàn. Trong họ có nhiều người chết non một cách thê thảm : nếu không, cũng phải mang tàn tật, ác bệnh, hay mắc tù tội, khốn cùng.

3 – THIÊN ĐỒNG

a – Đơn thủ tại Mão : được hưởng phúc, sống lâu, nhưng thường hay thay đổi chí hướng, hau canh cải công việc. Càng xa quê hương lại càng khá giả. Họ hàng phân tán làm ăn ở phương xa. Trong họ thường có thần đồng xuất hiện.

b – Đơn thủ tại Dậu : giảm thọ. Suốt đời lao tâm khổ tứ, hay phải thay đổi công việc và chí hướng, nhưng chẳng được xứng ý toại lòng. Có lập nghiệp ở xa quê hương, mới mong được đủ ăn, đủ mặc. Họ hàng ly tán.

c – Đơn thủ tại Tỵ, Hợi : suốt đời sung sướng, nhưng giảm thọ. Muốn sống lâu, nên xuất ngoại, nay đây mai đó. Họ hàng ly tán, phiêu bạt, trai gái rất phóng đảng.

d – Đơn thủ tại Thìn, Tuất – Cự đồng cung : giảm thọ, suốt đời vui ít buồn nhiều, hay mắc tai nạn, khẩu thiệt, kiện cáo. Phải ly tổ, xa gia đình mới mong được yên thân. Họ hàng ly tán, thường tranh chấp lẫn nhau.

đ – Lương đồng cung : suốt đời thanh nhàn, được hưởng phúc sống lâu. Trong họ có nhiều người quý hiển, giàu sang và thường có thân nhân giáng hạ.

c – Nguyệt đồng cung tại Tý : được hưởng phúc, sống lâu. Nên lập nghiệp ở xa quê hương, bản quán. Họ hàng quý hiển, có danh giá, uy quyền kể thế.

g – Nguyệt đồng cung tại Ngọ : giảm thọ. Phải ly tổ bốn ba mới mong được yên thân. Họ hàng càng ngày càng sa sút phiêu bạt.

4 – VŨ – KHÚC : trong họ hiếm người.

a – Đơn thủ tại Thìn, Tuất – Tham đồng cung : được hưởng phúc sống lâu. Về già, lại càng xứng ý toại lòng. Trong họ thường có người giàu sang hay hiển đạt về võ nghiệp.

b – Phủ đồng cung : được hưởng phúc, sống lâu. Họ hàng khá giả.

c – Tướng đồng cung : phúc thọ song toàn. Suốt đời hay gặp may mắn. Họ hàng quý hiển giàu sang.

d – Phá đồng cung : phải lập nghiệp ở xa quê hương, phải sớm xa gia đình mới mong được yên thân hưởng phúc sống lâu. Họ hàng ly tán, nhưng có người giỏi về kỹ thuật, mỹ thuật hay kinh doanh buôn bán.

đ – Sát đồng cung : giảm thọ vì bạc phúc. Suốt đời lao tâm khổ tứ, hay mắc tai họa. Xa quê hương, xa gia đình cũng chẳng được yên thân. Họ hàng sa sút ly tán, thường có người chết non, mang ác tật hay bản khổ.

5 – THÁI DƯƠNG

a – Tọa thủ tại Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ : được hưởng phúc, sống lâu và sung sướng. Họ hàng quý hiển, giàu sang, có danh giá và uy quyền kể thế.

b – Tọa thủ tại Thân, Dậu, Tuất, Hợi, Tý : bạc phúc nên tuổi thọ bị chiết giảm. Suốt đời chẳng được xứng ý toại lòng. Nên ly tổ hay ở xa gia đình. Hình骸 càng ngày càng sa sút ly tán, có nhiều người gian quyết, nhưng bản cùng, có người phiêu bạt giang hồ, lại có người mang ác tật hay mắc tai nạn chết một cách thê thảm.

c – Nguyệt đồng cung : không được hưởng phúc dồi dào, nên hay gặp trở ngại trên đường đời. Nên lập nghiệp ở nơi thật xa quê hương. Họ hàng khá giả, nhưng ly tán.

Nếu sinh ban ngày, phải luận đoán là trong họ, đàn ông, con trai hiển đạt, còn đàn bà con gái vất vả về chồng con, hay yếu tử.

Trái lại, nếu sinh ban đêm, phải luận đoán là trong họ đàn bà, con gái giàu có, sung sướng, còn đàn ông con trai cùng khổ phiêu bạt.

6 – THIÊN CƠ – Trong họ hiếm người.

a – Đơn thủ tại Tỵ, Ngọ, Mùi : được hưởng phúc, sống lâu. Họ hàng khá giả.

b – Đơn thủ tại Hợi, Tý, Sửu : bạc phúc : họ hàng ly tán.

c – Cự đồng cung : tuy được hưởng phúc, nhưng lúc thiếu thời chẳng được xứng ý toại lòng. Về già, hay gặp may mắn. Họ hàng khá giả.

d – Lương đồng cung : sống lâu, thanh nhàn, sung sướng. Họ hàng có người giàu sang, và thường có thần nhân giáng hạ.

đ – Nguyệt đồng cung tại Thân : được hưởng phúc, sống lâu. Trong họ có người giàu sang, nhưng đàn bà con gái thường khá giả hơn là đàn ông con trai.

e – Nguyệt đồng cung tại Dần : không được hưởng phúc dồi dào nên suốt đời chẳng được xứng ý toại lòng. Họ hàng bình thường, nhưng đàn bà con gái hay trắc trở về chồng con, lại có người phong tình hoa nguyệt.

7 – THIÊN – PHỦ

a – Đơn thủ tại Tỵ, Hợi : được hưởng phúc, sống lâu. Họ hàng đông đảo, khá giả.

b – Đơn thủ tại Sửu, Mùi, Mão, Dậu : không được hưởng phúc dồi dào. Nên lập nghiệp ở nơi thật xa quê hương. Trong họ, nhiều người giàu sang, nhưng ly tán.

c – Cui Tử Vi c – Liêm Trinh b – Vũ khúc b.

8 – THÁI ÂM

a – Đơn thủ tại Dậu, Tuất, Hợi : được hưởng phúc trọn đời, sung sướng và sống lâu. Trong họ có nhiều người quý hiển và giàu sang.

b – Đơn thủ tại Mão, Thìn, Tỵ : bạc phúc nên tuổi thọ bị chiết giảm. Suốt đời vui ít buồn nhiều, lao tâm khổ tứ. Nên lập nghiệp ở nơi thật xa quê hương có sớm xa cách gia đình mới mong được yên thân. Họ hàng ly tán, nhiều người cùng khổ, cô đơn, mang ác tật, phiêu bạt giang hồ, hay mắc tai nạn mà chết một cách thê thảm. Đàn bà con gái trong họ rất vất vả về chồng con.

**c – Coi Thiên Đồng c – g – Thái Dương c –
Thiên Cơ d – c.**

9 – THAM – LANG

a – Đơn thủ tại Thìn, Tuất : được hưởng phúc. Về già rất sung sướng. Trong họ nhiều người giàu có, nhưng thường lập nghiệp ở nơi thiệt xa quê hương.

b – Đơn thủ tại Dần, Thân : Không được hưởng phúc dồi dào, nhưng cũng sống lâu. Họ hàng bình thường, có nhiều người lập thân bằng võ nghiệp.

c – Đơn thủ tại Tý, Ngọ : bạc phúc nên giảm thọ. Phải lập nghiệp ở xa quê hương, phải sớm xa gia đình mới mong được yên thân. Họ hàng ly tán, càng ngày càng sa sút, lại có nhiều người rất dâm dăng.

d – Coi Tử Vi c – Liêm Trinh d – Vũ khúc a.

10 – CỰ – MÔN

a – Đơn thủ tại Hợi, Tý, Ngọ : được hưởng phúc, sống lâu, về già rất sung sướng. Họ hàng giàu có quý hiển.

b – Đơn thủ tại Tỵ, Thìn, Tuất : giảm thọ. Suốt đời lao tâm khổ tứ chẳng được xứng ý toại lòng, lại hay mắc tai nạn khẩu thiệt, kiện cáo. Phải sớm xa gia đình mới mong được yên thân. Trong họ thường có sự tranh chấp, nhiều người phiêu bạt giang hồ, nếu không, cũng khốn cùng, mắc hình ngục, hay yếu tử.

**c – Coi Thái Dương a-b – Thiên Đồng d –
Thiên Cơ c.**

11 – THIÊN – TUỔNG

a – Đơn thủ tại Ty, Hợi, Sửu, Mùi : được hưởng phúc, suốt đời hay gặp may mắn. Trong họ có nhiều người quý hiển, giàu sang.

b – Đơn thủ tại Mão, Dậu : không được hưởng phúc dồi dào, nên lúc thiếu thời chẳng được xứng ý toại lòng. Về già hay gặp may mắn. Họ hàng càng ngày càng khá giả.

c – Coi Tử Vi c – Liêm Trinh c – Vũ khúc c.

12 – THIÊN LƯƠNG

a – Đơn thủ tại Tý, Ngọ : được hưởng phúc, thanh nhân, sung sướng, tránh được nhiều tai họa và sống lâu. Trong họ có nhiều người quý hiển, có danh tiếng lừng lẫy.

b – Đơn thủ tại Sửu, Mùi : được hưởng phúc, sống lâu. Họ hàng bình thường.

c – Đơn thủ tại Tỵ, Hợi : giảm thọ, khó tránh được tai họa, thường phải sớm xa gia đình, nay đây mai đó, hay thay đổi công việc và chí hướng. Họ hàng càng ngày càng sa sút ly tán, đàn ông con trai có nhiều người chơi bời, du đàng, đàn bà con gái cũng có nhiều người dâm dật, hay trắc trở về chồng con.

d – Coi Thiên Đồng d – Thái Dương a-b –

Thiên Cơ d.

13 – THẤT SÁT

a – Đơn thủ tại Dần, Thân : được hưởng phúc, nhưng nên lập nghiệp ở nơi thật xa quê hương. Họ hàng khá giả, có danh giá và uy quyền kể thế, lại có nhiều người hiển đạt về võ nghiệp.

b – Đơn thủ tại Tý, Ngọ : không được hưởng phúc dồi dào, suốt đời “may” thường đi liền với “rủi”. Nên ly tổ, có sớm xa gia đình mới mong được yên thân. Họ hàng khá giả, nhưng ly tán, có nhiều người hiển đạt về võ nghiệp.

c – Đơn thủ tại Thìn, Tuất : bạc phúc nên giảm thọ. Khó tránh được tai nạn về đao thương. Dễ mắc hình ngục. Phải ly tổ, ở xa gia đình, may ra mới được yên thân. Họ hàng càng ngày càng sa sút, nghèo khổ, ly tán, lại có nhiều người chết non.

d – Coi Tử Vi d – Liêm Trinh e – Vũ khúc – d.

14 – PHÁ QUÂN

Họ hàng ly tán, thường lập nghiệp ở xa quê hương.

a – Đơn thủ tại Tý, Ngọ : được hưởng phúc, sống lâu, nhưng nên lập nghiệp ở nơi thật xa quê hương. Họ hàng khá giả. Tuy vậy ngành trưởng bao giờ cũng phiêu bạt, lụn bại.

b – Đơn thủ tại Thìn, Tuất : không được hưởng phúc dồi dào. Phải ly tán, sớm xa gia đình, mới mong được yên thân. Trong họ có người quý hiển.

c – Đơn thủ tại Dần, Thân : bạc phúc nên giảm thọ. Khó tránh được tai họa. Phải ly tổ, sớm xa gia đình, may ra mới được yên thân. Họ hàng càng ngày càng sa sút.

d – Cõi Tử Vi đ – Liêm Trinh đ – Vũ Khúc đ.

15 – KINH DƯƠNG – ĐÀ LA : họ hàng ly tán.

a – Sáng sửa tốt đẹp : suốt đời “may” thường đi liền với “rủi”. về già được an nhàn. Họ hàng trước ly tán, sau quần tụ, càng ngày càng khá giả.

b – Mờ ám xấu xa : bạc phúc nên giảm thọ. Khó tránh được tai họa : thường phải lập nghiệp thật xa quê hương : không mấy khi được xứng ý toại lòng. Trong họ có nhiều hoặc tàn tật, chết non, hoặc trộm cắp, du đảng.

16 – HỎA TINH – LINH TINH : Giảm thọ.

a – Sáng sửa tốt đẹp : suốt đời “may” thường đi liền với “rủi”. Trong họ có nhiều người quý hiển, nhưng hay chết non.

b – Mờ ám xấu xa : suốt đời lao tâm khổ tứ, không mấy khi được xứng ý toại lòng. Khó tránh được tai họa. Họ hàng càng ngày càng sa sút.

17 – ĐỊA KHÔNG – ĐỊA KIẾP

a – Sáng sửa tốt đẹp : bạc phúc, suốt đời mưu sự buổi đầu thường trắc trở, về sau mới được hanh thông, đắc ý. Trong cái “may” có chứa đựng nhiều cái “rủi”. Họ hàng khá giả, nhưng ly tán.

b – Mờ ám xấu xa : giảm thọ, khó tránh được tai họa. Phải lập nghiệp ở nơi thật xa quê hương, may ra mới được yên thân. Họ hàng càng ngày càng sa sút, ly tán.

18 – VẪN XƯƠNG – VẪN KHÚC

a – Nhiều sao sáng sửa tốt đẹp : được hưởng phúc sung sướng, vinh hiển và sống lâu. Trong họ có nhiều người đỗ đạt cao có danh giá.

b – Nhiều sao mờ ám xấu xa : giảm thọ, khó tránh được tai họa. Phải sớm xa gia đình, như thế may ra mới được yên thân. Họ hàng tuy khá giả, có người đỗ đạt cao, nhưng ly tán. Những người có danh giá lại hay mang tàn tật, ác bệnh, nếu không, cũng chết non.

19 – THIÊN KHÔI – THIÊN VIỆT – Tăng tuổi thọ.

a – Nhiều sao sáng sửa tốt đẹp : được hưởng phúc vinh hiển và sống lâu. Trong họ có nhiều người đỗ đạt làm nên danh giá, lại thường có vĩ nhân hay thần đồng xuất hiện.

b – Nhiều sao mờ ám xấu xa : trong cái “may” có chứa đựng nhiều cái “rủi”. Nếu có danh giá, rất khó tránh được tai họa. Họ hàng mỗi ngày một suy bại.

20 – TẢ PHỤ – HỮU BẬT

a – Nhiều sao sáng sửa tốt đẹp : được hưởng phúc sống lâu. Suốt đời hay gặp may mắn. Càng ở xa quê hương lại càng khá giả. Họ hàng quý hiển giàu sang, nhưng không ở gần nhau.

b – Nhiều sao mờ ám xấu xa : bạc phúc nên giảm thọ. Khó tránh được tai họa. Phải lập nghiệp ở nơi thật xa quê hương, hay phải sớm xa gia đình, may ra mới được yên thân. Trong họ có người cùng khổ phiêu bạt, hoặc du đàng, bất lương, nếu không, cũng mang tàn tật, ác bệnh, hay mắc tai nạn mà chết một cách thê thảm. Họ hàng càng ngày càng ly tán, lụn bại.

21 – LỘC TỒN – Tăng tuổi thọ. Được hưởng phúc, trong họ hiếm người và thường có sự tranh chấp bất hòa. Họ hàng khá giả nhưng ly tán.

22 – HÓA LỘC – Được hưởng phúc, khỏi phải lo lắng những lúc túng thiếu. Tránh được nhiều tai họa, họ hàng giàu có.

23 HÓA QUYÊN – Được hưởng phúc. Được nhiều người vị nể. Họ hàng quý hiển, có danh giá, truyền từ đời này sang đời khác. Nhận định theo Thiên Khôi, Thiên Việt a-b.

24 – HÓA KHOA – Được hưởng phúc sống lâu. Tránh được nhiều tai họa. Họ hàng khá giả, có người đỗ đạt cao.

25 – HÓA KỶ – Giảm thọ. Họ hàng ly tán, hay tranh chấp lẫn nhau.

26 – ĐẠI HAO – TIỂU HAO – Giảm thọ : nên sớm xa gia đình. trong họ có nhiều người nghèo túng, phải đi biệt xứ.

27 – TANG MÔN – BẠCH HỔ – Giảm thọ. Họ hàng ly tán, những người khá giả lại chết sớm.

28 – THIÊN KHỐC – THIÊN HƯ – Giảm thọ. Họ hàng hay oán trách lẫn nhau.

29 – THIÊN MÃ – Tăng tuổi thọ. Càng ở xa quê hương lại càng khá giả. Trong họ có nhiều người hiển đạt, nhưng không ở gần nhau.

30 – THÁI TUẾ – Không được hưởng phúc dồi dào : khó tránh được tai họa. Trong họ thiếu hòa khí, thường có sự tranh chấp lẫn nhau.

31 – LONG TRÌ – PHƯỢNG CÁC – được hưởng phúc. Trong họ có nhiều người khá giả.

32 – CÔ THẦN – QUẢ TỬ – Trong họ hiếm người.

a – Nhiều sao sáng sửa tốt đẹp : được hưởng phúc. Tránh được nhiều tai họa. Họ hàng khá giả.

b – Nhiều sao mờ ám xấu xa : giảm thọ, khó tránh được tai họa. Họ hàng càng ngày càng lụn bại.

Xem tiếp theo Phần II a & II b